

BIỂU PHÍ

PHẦN 1 - TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM CHO BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Chưa gồm thuế VAT)

STT	Loại/dòng xe ô tô	Dưới 3 năm	Từ 3 năm tới dưới 6 năm	Từ 6 năm tới dưới 10 năm	Từ 10 năm
I	Xe chở hàng				
1	Rơ moóc	1.0000	1.1667	1.3333	1.6667
2	Xe kinh doanh vận tải hàng hóa; Xe tải trên 10 tấn	1.8333	2.0000	2.1667	2.3333
3	Xe đầu kéo; Xe đông lạnh trên 3.5 tấn; Xe tải hoạt động trong vùng khai thác khoáng sản	2.5000	2.6667	2.8333	3.1667
4	Các xe dịch vụ vận tải hàng hóa khác	1.5000	1.6667	1.8333	2.0000
II	Xe Dịch vụ Vận tải Hành khách				
1	Xe không kinh doanh; Xe bus; Xe tập lái; Xe hoạt động trong nội bộ cảng, khu công nghiệp, sân bay	1.5000	1.6667	1.8333	2.0000
2	Xe kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	2.0000	2.1667	2.3333	2.5000
3	Taxi, xe cho thuê tự lái	2.6667	2.8333	3.0000	3.1667
4	Xe kinh doanh vận tải hành khách còn lại	1.6667	1.8333	2.0000	2.1667
III	Xe vừa chở người vừa chở hàng				
1	Xe bán tải (Pick-up)	1.8333	2.0000	2.1667	2.3333
2	Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại	1.5000	1.6667	1.8333	2.0000

PHẦN 2 - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Phí bảo hiểm năm/chỗ ngồi (chưa gồm thuế VAT) = Số tiền bảo hiểm/chỗ ngồi x 0.12%

PHẦN 3 - BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI CHỦ XE CƠ GIỚI

STT.	Loại xe		Giới hạn trách nhiệm
			- Thương tật về người: Các lựa chọn từ \$5,000 đến \$20,000/người/vụ - Thiệt hại tài sản: Các lựa chọn từ \$20,000 đến \$100,000/người/vụ và tối đa \$400,000/ tổng cộng
1	Xe máy	Từ 50cc trở xuống	Từ \$14 đến \$56
		Trên 50cc	Từ \$18 đến \$77
2	Xe ba bánh, xe có thùng bên và xe gắn máy		Từ \$33 đến \$135
3	Xe cơ giới dùng cho mục đích không kinh doanh	Tối đa 05 chỗ ngồi	Từ \$89 đến \$412
		Từ 06 chỗ ngồi đến 15 chỗ ngồi	Từ \$158 đến \$697
		Từ 16 chỗ ngồi đến 24 chỗ ngồi	Từ \$327 đến \$1536
		Trên 24 chỗ ngồi	Từ \$414 đến \$1898
		Xe chở khách và hàng hóa	Từ \$200 đến \$930
4	Xe tải có G.V.W, Xe chở hàng	Dưới 3 tấn	Từ \$200 đến \$930
		Trên 3 tấn đến 8 tấn	Từ \$330 đến \$1538
		Trên 8 tấn đến 15 tấn	Từ \$414 đến \$1898
		Trên 15 tấn	Từ \$500 đến \$2100
5	Xe có thiết bị chuyên dụng để nâng, bốc xếp, vệ sinh đường phố, trộn bê tông và bồn chứa		20% phí bảo hiểm áp dụng cho xe tải có cùng G.V.W
6	Rơ moóc - máy kéo		130% của xe vượt quá 15 tấn

LƯU Ý QUAN TRỌNG:

Biểu phí bảo hiểm trên chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi dựa trên:

- Thông tin bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin xe, hiệu suất tổn thất).
Phạm vi bảo hiểm (bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền lợi, điều khoản mở rộng, điều khoản loại trừ, giới hạn trách nhiệm, điều kiện áp dụng đặc biệt, v.v.) sau khi thảo luận và thỏa thuận với Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).

Để có báo giá chính xác, vui lòng liên hệ Công ty TNHH Bảo hiểm MSIG (Việt Nam).